

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+RC3+BK16	7:25	21+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 2 rc3-bk16
2		P10+BK10+BK8	7:25	14+6+1	0+0+0		2+0+0	0+0+0	
3		TGTH1+AMD	7:25	5+13	0+0		4+15	0+0	
4		P2+P4+TD2	9:25	14+0+7	0+0+0		7+5+5	0+0+0	
5		AMD+HST+HSD	9:25	16+4+2	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
6		PVD8+RC6+RC5	11:25	17+1+0	0+0+0		5+0+13	0+0+0	
7		AMD+P11+BK10+RC3	11:25	5+4+6	0+0+0		0+2+1	0+0+0	
8		T.UNG	11:25	17	0		15	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Di về trong ngày BK10-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH - 1	TO: PPD - RC3 - BK16	CREW: LINH - NPHU - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM25/4877		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN SON	PPD	01	1	3	2	16	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	11	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN NHA	PPD	05-06	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	PPD				2	20	71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN HAI	PPD	18-19	2	18			58	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN THANH CONG	PPD	28	1	7			70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUONG	PPD						73	KHI	Vietnamese
8	LUU VAN CHIEN	PPD	07	1	6			67	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN CAO CUONG	PPD						68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN ĐAO	PPD	13	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAC	PPD	10	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
12	BIEN MINH SON *	PPD	02	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SINH	PPD	03	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DUNG	PPD	16-17	2	20			66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN THANH TRI	PPD	14	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG MINH KHANH	PPD	08	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH LIEM	PPD	12	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRUONG HAU	PPD	09	1	8	3	65	81	MERMAID	Vietnamese
19	TRAN VAN THUC	PPD	15	1	9			71	MERMAID	Vietnamese
20	MAI DINH KHANG	PPD	04	1	12	2	22	51	CODIEN	Vietnamese
21	TRAN VAN TRA	PPD	25	1	10			84	XAYLAP	Vietnamese
22	DO QUANG KHAI	RC3	94	1	8			92	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.467	21	159	9	123	19		
2	RC3	1	92	1	8	0	0	0 + 2	CHUYEN 2 RC3 - BK16	
3	BK16	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.559	22	167	9	123	19		
WEIGHT KG			1.559		167		123			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

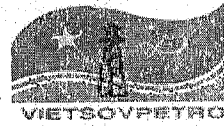
CREW

NGO VAN LINH

DAO NGOC PHU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P10 - BK10 - BK8	CREW: XHOÀN - MTHAO - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4880	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	QUAN VAN KHANH*	P10	42-43	2	21			71	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG TUẤN	P10	41	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	P10	44	1	17			58	XAYLAP	Vietnamese
4	PHUNG VAN DIỆN	P10	38-39	2	24			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ANH	P10	27-28	2	24			76	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI HÙNG	P10	33	1	10			56	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO XUÂN VIỆT	P10	40	1	10			62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN NHƯ PHƯƠNG*	P10	36-37	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TIỀN	P10	32	1	7			62	PSV	Vietnamese
10	LÊ HỮU HOA	P10	34	1	11			69	HA VIỆT	Vietnamese
11	ĐẶNG MẠNH HAI	P10	35	1	6			61	HA VIỆT	Vietnamese
12	LÊ HAI ĐĂNG	P10	30-31	2	11			81	HA VIỆT	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	P10	29	1	9			57	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN BA TÙNG	P10	45-46	2	8			66	HA VIỆT	Vietnamese
15	LÊ VĂN ĐỨC*	BK10	53-55	3	13			64	SGC	Vietnamese
16	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN*	BK10	56-57	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG QUÊ*	BK10	58-59	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	BK10	47-48	2	16	1	15	82	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN MINH*	BK10	51-52	2	10			53	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN LAM	BK10	49-50	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG ĐÌNH QUÊ*	BK8	03	1	10	5	63	87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	14	935	20	184	0	0	2		
2	BK10	6	407	13	97	1	15	0		
3	BK8	1	87	1	10	5	63	0		
TOTAL		21	1.429	34	291	6	78	2		
WEIGHT KG			1.429		291		78			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: TRINH - NKHANH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4859	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	90-91	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HA	TGTH1	88-89	2	10			53	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TAI	TGTH1	92	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUC CUONG	TGTH1	86-87	2	10	2	24	63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO QUANG HUAN *	TGTH1	93	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DAI NGHIA	AMD	89	1	6			72	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN VO BA LINH	AMD	87-88	2	14			76	HLJOC	Vietnamese
8	TRINH THUONG MAI	AMD	86	1	5			61	TLJOC	Vietnamese
9	NGO SY KHOI	AMD	78	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN LAM	AMD	77	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH KHOA *	AMD	80-81	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIEN	AMD	75	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TRI TRUNG	AMD	85	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG THE KHAI	AMD	76	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUOC HUY	AMD	82-83	2	10	2	30	88	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN DUNG	AMD	90	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	79	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN TRUONG	AMD	84	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	5	335	8	44	2	24	4		
2	AMD	13	922	16	93	2	30	15		
	TOTAL	18	1.257	24	137	4	54	19		
	WEIGHT KG		1.257		137		54			

GRAND TOAL: 1.448 KGS.

VSP REP

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRẦN KHÁNH TRINH

NGUYỄN VĂN KHÁNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: RC3 - P2 - TD2	CREW: LINH - NPHÚ - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4878	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ NGỌC DŨNG	P2	78-79	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DŨNG	P2	82-83	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN THANH GIANG	P2	84-85	2	10			60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VIỆT HỮU	P2	86	1	10	1	12	60	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN TIEN DAT	P2	71	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG BA ĐỨC	P2	88	1	10	1	13	83	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ MINH KHANH	P2	77	1	12			96	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIEN	P2	80-81	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN THU	P2	90	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HUNG	P2	76	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	P2	93-94	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	74-75	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC HUNG	P2	72-73	2	18			79	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TIEN	P2	98-99	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THUY *	P2	91-92	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO VAN KHOI	P2	97	1	11	1	13	55	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN CAO	P2	95	1	10			60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG CUONG *	P2	800	1	8	1	9	58	XAYLAP	Vietnamese
19	MULNIUCHKIN V.V.	TD2	82	1	14			87	DVL	Russian
20	HOANG BA THANG	TD2	81	1	18			60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD2	79-80	2	20			67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	0	0	0	0	2	30	0		
2	P2	18	1.216	27	248	4	47	7		
3	TD2	3	214	4	52	0	0	5		
TOTAL		21	1.430	31	300	6	77	12		
WEIGHT KG			1.430		300		77			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

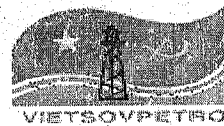
ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG - 2	TO: AMD - HST - HSD	CREW: XHOÀN - MTHAO - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4881	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUNG MANH	AMD	34-35	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ NGOC CHINH	AMD	31	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN ĐÔNG *	AMD	26	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	98-99	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	95	1	3			76	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN HUU BINH	AMD	96	1	7			63	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN LAM THANG	AMD	30	1	4			83	PSV	Vietnamese
8	PHAM TUAN THANH	AMD	600	1	5			77	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HOANG *	AMD	93-94	2	14			75	PHATECO	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SUU	AMD	27	1	7			63	PHATECO	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC TRUNG	AMD	33	1	14			67	PHATECO	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOAN	AMD	29	1	10			76	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TUAN	AMD	97	1	8			81	PHATECO	Vietnamese
14	NGUYEN VAN ĐAI	AMD	32	1	7			65	PHATECO	Vietnamese
15	ĐINH CÔNG TRINH	AMD	28	1	10			76	PHATECO	Vietnamese
16	LY NGOC THANH	AMD	36	1	11			63	PHATECO	Vietnamese
17	THAN CANH THINH	HST	24-25	2	14			76	TLJOC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN HIEU	HST	26-27	2	14			90	TLJOC	Vietnamese
19	PHAM TUAN CHUNG	HST	28	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN MINH HOAI	HST	01	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ THẾ THANH	HSD	47-48	2	6			75	KH-THAC	Vietnamese
22	CHU ĐỨC CHÍ	HSD	46	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.147	19	129	0	0	16		
2	HST	4	297	6	46	0	0	4		
3	HSD	2	149	3	16	0	0	2		
TOTAL		22	1.593	28	191	0	0	22		
WEIGHT KG			1.593		191		0			

GRAND TOTAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: PVD8 - RC5	CREW: VTHANG - SON - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM25/4879		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN QUOC DAI	PVD8	30-31	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC SON	PVD8	19-20	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH LUAN	PVD8	26	1	9	4	67	57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DAI KHOA	PVD8	22-23	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TA HONG QUAN	PVD8	21	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC MINH	PVD8	03-04	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THANH	PVD8	800	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
8	VU CONG DANH*	PVD8	07-08	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN QUY HIEU	PVD8	05-06	2	7			73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN CON HOAI	PVD8	13-14	2	17			75	HALLI BUR	Vietnamese
11	NGUYEN THANH LONG	PVD8	01-02	2	13			65	HALLI BUR	Vietnamese
12	TRUONG CONG QUE	PVD8	09-10	2	13			75	HALLI BUR	Vietnamese
13	NGUYEN DIEN DANG KHOA	PVD8	15-16	2	15			91	HALLI BUR	Vietnamese
14	SHAHRUL SHAHFEEQ AHMAD BIN ABDUL	PVD8	27-29	3	20			94	HALLI BUR	Malaysian
15	MOHD KHAIRUL AZHAR BIN MOHD HALIDI	PVD8	24-25	2	19			78	HALLI BUR	Malaysian
16	FAUZAN ASYRAF MOHAMAD	PVD8	17-18	2	18			97	HALLI BUR	Malaysian
17	TRAN MANH TIEN	PVD8	11-12	2	15			80	HALLI BUR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.280	32	244	4	67	5		
2	RC5	0	0	0	0	1	6	13		
TOTAL		17	1.280	32	244	5	73	18		
WEIGHT KG			1.280		244		73			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIẾP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: AMD - P4 - P11 - BK10	CREW: DUONG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4882	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐINH VĂN QUANG	AMD	16-17	2	15	3	16	59	PHATECO	Vietnamese
2	LE VIET QUOC HUY *	AMD	14-15	2	16			69	PHATECO	Vietnamese
3	LY THANH QUAN	AMD	13	1	8			69	PHATECO	Vietnamese
4	PHAM THE ANH *	AMD	10-11	2	17			63	PHATECO	Vietnamese
5	NGUYEN ĐUC ANH	AMD	12	1	10			71	PHATECO	Vietnamese
6	NGUYEN TAT THANH	P11	75	1	8			58	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN NINH	P11	77	1	13	3	55	72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN NAM HOANG *	P11	76	1	14	1	17	52	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HUNG *	P11	72	1	7	2	17	65	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN MANH DUNG	BK10	63-64	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUAN	BK10	65	1	8	1	13	82	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO VAN CUONG	BK10	61-62	2	14			57	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN NGOC TRUNG	BK10	66	1	17	2	25	65	DUY LINH	Vietnamese
14	LUU VAN BINH	BK10	67	1	15			79	DUY LINH	Vietnamese
15	CAO THE HUNG	BK10	68	1	12			63	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	5	331	8	66	3	16	0		
2	P4	0	0	0	0	0	0	5		
3	P11	4	247	4	42	6	89	2		
4	BK10	6	421	8	83	3	38	1		
TOTAL		15	999	20	191	12	143	8		
WEIGHT KG			999		191		143			

GRAND TOAL: 1.333 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
B.CARD: HONG-3	TO: T.UNG	CREW: LTUÂN - XTRƯỜNG	ETA: 14:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4854	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	QUACH VAN THAO	T.UNG	87	1	4			71	YTE	Vietnamese
2	PHAM QUANG QUY	T.UNG	91	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG VAN LUONG	T.UNG	94	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN XUAN THUY	T.UNG	84	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN THANH	T.UNG	97	1	4	2	40	63	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUY DUC *	T.UNG	79	1	3	4	70	62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HAI	T.UNG	89	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
8	LAI MINH HOANG	T.UNG	81	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH HAO *	T.UNG	82	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CAO TUAN	T.UNG	92	1	12			66	CODIEN	Vietnamese
11	HA MANH HOANG *	T.UNG	85-86	2	10			71	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN DAI NGHIA	T.UNG	88	1	11			52	CODIEN	Vietnamese
13	LUU QUANG DAT	T.UNG	93	1	15	2	22	73	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG GIANG LAM	T.UNG						80	PSV	Vietnamese
15	LE KHAC BAO	T.UNG	83	1	7			63	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	900	1	6			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KIEN *	T.UNG	80	1	7			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.186	17	116	8	132	15		
TOTAL		17	1.186	17	116	8	132	15		
WEIGHT KG			1.186		116		132			

GRAND TOAL: 1.434 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LUONG MANH TUAN

HÀ XUÂN TRƯỜNG